

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29- 4 -2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Thân

2. Ông Nguyễn Văn Phiến

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Giàng Chấn Sò - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 2 năm 2022, về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương H; địa chỉ: Tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Việt T; địa chỉ: Tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, hiện đang chấp hành án tại K3, Trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn ngày 31/12/2021; bản tự khai ngày 01/02/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương H khai: Chị và anh T kết hôn ngày 12/12/2000, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, TP.H, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và anh T đã vi phạm pháp luật bị xử phạt tù, phải đi chấp hành án trong thời gian dài. Từ đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Theo nội dung bản tự khai ngày 31/3/2022 bị đơn, anh Trịnh Việt T khai: Anh T xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị H khai là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống không hòa hợp, bản thân anh hiện đang phải đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện chăm lo cho gia đình, anh T đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung:

Chị H khai chị và anh T có hai con chung là cháu Trịnh Thành H, sinh năm 2001 và cháu Trịnh Băng T sinh ngày 10/8/2004. Ly hôn chị H xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, cháu H đã trưởng thành chị không đề nghị giải quyết.

Anh T Xác nhận, anh và chị H có hai con chung là cháu Trịnh Thành H, sinh năm 2001 và cháu Trịnh Băng T sinh ngày 10/8/2004. Ly hôn anh nhất trí để cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh T đều xác nhận không có.

Quá trình Tòa án giải quyết: Do anh T đang phải chấp hành án tại trại giam Q và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Do vậy, Tòa án không thực hiện được việc hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn và việc nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung không có.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 – BLTổ tụng dân sự; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Bằng T sinh ngày 10/8/2004 cho đến khi cháu Tâm đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung. Cháu Trịnh Thành H sinh năm 2001, đã trưởng thành không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

+ Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hương H và anh Trịnh Việt T có địa chỉ: Tổ 05, phường N, TP. Hà Giang, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình các đương sự yêu cầu giải quyết về Ly hôn, nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Hương H và anh Trịnh Việt T đăng ký kết hôn ngày 12/12/2000 tại UBND phường N, TP. H do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[4]. Lý do chị H xin ly hôn: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp và anh Thanh vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam, làm cho cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, nên chị H xin được ly hôn với anh T.

[5]. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống chị H và anh T không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, không cải thiện được tình cảm. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, mặt khác anh T vi phạm pháp luật dẫn đến việc phải đi chấp hành án phạt tù trong thời gian dài. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng của anh chị bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Anh T cũng xác nhận, trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên anh nhất trí ly hôn. Theo biên bản làm việc ngày 04/4/2022 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em đã xác định được cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào

tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung của anh chị cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

[6]. Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Trịnh Thành H, sinh năm 2001 và cháu Trịnh Bằng T sinh ngày 10/8/2004. Ly hôn chị H xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, anh T nhất trí để chị H nuôi dưỡng giáo dục cháu T cho đến khi trưởng thành. Xét đề nghị của chị H về việc xin nuôi cháu T là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với điều kiện thực tế, hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án nên không thể có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Do đó, cần giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18. Cháu Trịnh Việt T đã trưởng thành nên không giải quyết.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

[8]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

[9]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương H về việc xin Ly hôn, nuôi con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hương H được ly hôn anh Trịnh Việt T.

3. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hương H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trịnh Bằng T, sinh ngày 10/8/2004 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Cháu Trịnh Thành H, sinh năm 2001 đã trưởng thành không đề nghị giải quyết.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

5. Về Án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0000644 ngày 07 tháng 02 năm 2022.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh HG;
- VKSND TP. Hà Giang;
- Các đương sự;
- CC THADS TP. H;
- UBND phường N. TP H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình